

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12a/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/6/2020.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Đào Thị X, sinh năm 1980 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, làng C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, làng C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – Chị Đào Thị X trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Huy T kết hôn với nhau ngày 13/5/2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên. Trước khi cưới hai vợ chồng chị có được tự do tìm hiểu. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, chị về làm dâu gia đình anh T ngay. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc từ khi kết hôn đến khoảng năm 2011 thì anh T đi cải tạo do phạm tội. Đến năm 2015 chị đã làm đơn ly hôn nhưng

anh T đi tù nên không giải quyết được. Đến cuối năm 2017 anh T đi cải tạo về thì thường xuyên chửi bới chị. Đến tháng 01/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định vợ chồng chị không thể đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không cải thiện hơn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị X xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

bị đơn, anh Nguyễn Huy T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Đào Thị X kết hôn với nhau ngày 15/3/2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự Lạn, huyện Việt Yên. Sau khi cưới chị X về làm dâu gia đình nhà anh ngay. Cuộc sống vợ chồng anh hạnh phúc từ khi kết hôn được 10 năm đến năm 2012 thì anh phải đi cải tạo do phạm tội, ban đầu chị X vẫn thăm nuôi anh nhưng đến khoảng năm 2014 thì chị X không thăm nuôi anh nữa và có đơn xin ly hôn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Đến cuối năm 2017 thì tôi cải tạo xong về địa phương vợ chồng lại đoàn tụ. Đến tháng 01/2020 vợ chồng mâu thuẫn do chị X bán quần áo nhưng thường xuyên không có mặt tại quán bán hàng vào buổi tối, anh không biết đi đâu. Do đó anh có chửi mắng, sau đó mẹ vợ anh có sang bênh con gái và bảo vợ anh về nhà đẻ ở. Từ tháng 01/2020 đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị X vì anh muốn con cái có cả bố lẫn mẹ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng chị X. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu V, để chị X nuôi cháu Mai L và cháu Vân A. Anh xác định có đủ khả năng và điều kiện để nuôi cháu Vượng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn – Chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ vợ chồng chị xin ly hôn với anh T. Về con chung, chị đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày

16/10/2008. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Huy T trình bày: Về quan hệ vợ chồng anh không đồng ý ly hôn với chị X. Về con chung, trong trường hợp phải ly hôn anh đồng ý giao con chung của vợ chồng là cháu là Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh phải góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Đào Thị X được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

Về con chung: Giao chị Đào Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu là Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc khởi kiện của chị Đào Thị X với anh Nguyễn Huy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị X và anh T đều trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2002 tại UBND xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị X cũng đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy hôn nhân của chị X và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bản thân chị X và anh T đều xác định vợ chồng sống không còn tình cảm,

không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị X xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng HĐXX thấy bản thân anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm tới ai, anh chỉ không đồng ý ly hôn vì muốn con cái có cả bố lẫn mẹ. Do vậy, HĐXX thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, cho chị X được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị X, anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008. Khi ly chị X đề nghị được nuôi 03 cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung thì anh T cũng đồng ý. Do vậy HĐXX cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, giao chị Đào Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị X, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị X phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Đào Thị X được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

Về con chung: Giao chị Đào Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11/3/2003, Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2005 và Nguyễn Huy V, sinh ngày 16/10/2008. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Đào Thị X phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai

số AA/2016/0001092 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị X đã nộp đủ án phí DSST.

Báo cho các đương sự có mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Văn Quang

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Đương sự;
- UBND xã Nghĩa Trung.
- Lưu hồ sơ.

Lương Thị Thanh Quyên